

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD02078**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Hệ điều hành Windows**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030341	Nguyễn Quốc	Bảo	10/09/2009			6	6.0	6.0		7.5		6.9
2	2454802030342	Lê Trần Đức	Cang	11/11/2009			5	5.0	5.0		0.0		2.0
3	2454802030343	Đoàn Ngọc	Châu	06/06/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2454802030344	Ab Dus Sa Lam A Fan	Di	20/03/2009			5	6.0	6.0		8.0		7.1
5	2454802030345	Nguyễn Hải	Đăng	15/09/2009			5	0.0	0.0		0.0	0.0	0.4
6	2454802030346	Đỗ Thành	Đức	19/01/2006			7	8.0	6.0		6.5		6.7
7	2454802030347	Nguyễn Phương	Đức	07/05/2007			7	0.0	0.0		0.0	0.0	0.6
8	2454802030348	Mu Ham Mad Ary	Fiên	23/08/2009			5	7.0	6.0		6.5		6.4
9	2454802030349	Nghiêm Đức	Hà	01/05/2009			7	6.0	7.0		9.0		8.0
10	2454802030350	Ysa Zain	Hisaan	27/05/2009			8	8.0	8.0		7.5		7.7
11	2454802030351	Lê Hoàng	Huy	30/10/2009			9	8.0	8.0		7.0		7.5
12	2454802030352	Huỳnh Vĩnh	Hưng	11/09/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2454802030353	Trần Lê Phúc	Khang	05/01/2009			6	7.0	8.0		7.5		7.4
14	2454802030354	Ngô Đức Minh	Khoa	19/10/2009			7	6.0	7.0		6.5		6.5
15	2454802030355	Võ Đăng	Khoa	19/09/2009			7	7.0	6.0		9.0		8.0
16	2454802030356	Phạm Thành	Luân	04/07/2009			6	6.0	7.0		5.0		5.6
17	2454802030357	Trần Sỹ	Luân	05/10/2009			8	7.0	8.0		8.0		7.8
18	2454802030358	Trần Thị Tuyết	Mai	18/03/2009			5	6.0	7.0		7.5		7.0
19	2454802030359	Đinh Thị Hà	My	05/09/2009			8	9.0	7.0		8.5		8.3
20	2454802030360	Huỳnh Hoàng	Mỹ	14/09/2008			7	5.0	6.0		0.0		2.3
21	2454802030361	Nguyễn Trần Kim	Ngọc	25/01/2009			7	7.0	7.0		5.0		5.8
22	2454802030362	Thái Nguyễn Minh	Ngọc	25/07/2009			7	7.0	6.0		5.0		5.6
23	2454802030363	La Huỳnh Phương	Như	04/10/2009			6	8.0	7.0		6.5		6.8
24	2454802030364	Võ Thành	Nhật	11/10/2009			7	6.0	7.0		6.0		6.2
25	2454802030365	Châu Mus Ta	Pha	16/07/2008			7	8.0	7.0		6.0		6.6
26	2454802030366	Huỳnh Hồng	Pháp	04/08/2009			6	7.0	7.0		6.5		6.6
27	2454802030367	Nguyễn Phạm Đông	Phương	05/02/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
28	2454802030368	Trương Kim Khánh	Phương	14/03/2008			7	6.0	7.0		9.0		8.0
29	2454802030369	Thái Anh	Quân	25/03/2008			6	7.0	7.0		8.5		7.8
30	2454802030370	Lê Thị Thanh	Thảo	04/11/2008			7	6.0	7.0		5.5		5.9
31	2454802030371	Nguyễn Thụy Minh	Thư	06/06/2007			9	9.0	9.0		10.0		9.6
32	2454802030372	Đặng Văn	Toàn	26/01/2009			7	6.0	8.0		9.0		8.2
33	2454802030373	Trần Văn	Trọng	14/09/2008			8	7.0	7.0		8.5		8.0
34	2454802030374	Đặng Bảo Quốc	Trung	31/08/2009			6	6.0	6.0		8.0		7.2
35	2454802030375	Châu Thị Cẩm	Tú	26/12/2009			6	5.0	6.0		8.5		7.3
36	2454802030376	Huỳnh Thu	Vân	18/06/2009			6	6.0	6.0		7.5		6.9

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030377	Huỳnh Hồ Hải	Yến	05/08/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
38	2454802030378	Huỳnh Kim	Yến	25/09/2008				5	6.0	7.0			5.0		5.5

Châu Đốc, ngày 10 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lương Đức Nam